UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 4

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG, ĐƠN VỊ DỰ TUYỂN VÀ VỊ TRÍ DỰ TUYỂN
VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠNG III (MÃ SỐ V.07.05.15)

(Kèm theo Kế hoạch số 108/KH-SGDĐT ngày 02/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

STT	Mã đơn vị dự tuyển	Đơn vị sự công lập thuộc Sở	Tổng số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao	Tổng số biên chế viên chức có mặt	Biên chế chưa sử dụng	Chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên														
						Tổng	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Lịch sử	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Địa lí	Sinh học	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tiếng Pháp	Tiếng Nga
						Mã vị trí dự tuyển	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9	D10	D11	D12	D13	D14
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(8)+(9)+ ...+(21)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	PT01	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	136	133	3	3		1											1	1
2	PT02	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	120	117	3	3		1								1	1			
3	PT03	Trường THPT chuyên Biên Hòa	98	96	2	2	1		1											
4	PT04	Trường THPT B Nguyễn Huệ	62	60	2	1							1							
5	PT05	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	71	69	2	2				1							1			
6	PT06	Trường THPT Đại An	51	50	1	1						1								
7	PT07	Trường THPT Lý Nhân Tông	45	44	1	1		1												
8	PT08	Trường THPT B Nghĩa Hưng	70	69	1	1							1							
9	PT09	Trường THPT Trần Nhân Tông	43	41	2	2	1							1						
10	PT10	Trường THPT Nguyễn Du	56	54	2	2		1	1											
11	PT11	Trường THPT Trực Ninh B	64	62	2	2			1	1										
12	PT12	Trường THPT Nguyễn Trãi	52	50	2	2			1				1							
13	PT13	Trường THPT Lê Quý Đôn	60	59	1	1			1											
14	PT14	Trường THPT C Hải Hậu	67	66	1	1			1											
15	PT15	Trường THPT An Phúc	45	44	1	1		1												
16	PT16	Trường THPT Võ Văn Hiếu	54	50	4	4	1	1	1	1										
17	PT17	Trường THPT Xuân Trường	83	81	2	2	1			1										
18	PT18	Trường THPT Xuân Trường B	82	80	2	1						1								
19	PT19	Trường THPT Xuân Trường C	50	49	1	1	1													
20	PT20	Trường THPT Nguyễn Trường Thúy	53	52	1	1						1								
21	PT21	Trường THPT Giao Thủy C	61	59	2	2	1					1								

STT	Mã đơn vị dự tuyển	Đơn vị sự công lập thuộc Sở	Tổng số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao	Tổng số biên chế viên chức có mặt	Biên chế chưa sử dụng	Chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên														
						Tổng	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Lịch sử	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Địa lí	Sinh học	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tiếng Pháp	Tiếng Nga
						Mã vị trí dự tuyển	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9	D10	D11	D12	D13	D14
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(8)+(9)+ ...+(21)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
22	PT22	Trường THPT Quất Lâm	54	53	1	1		1												
23	PT23	Trường THPT Gia viễn A	71	68	3	1				1										
24	PT24	Trường THPT Gia viễn B	71	70	1	1	1													
25	PT25	Trường THPT Gia viễn C	54	51	3	2	1						1							
26	PT26	Trường THPT Nho Quan C	66	63	3	3	1		1	1										
27	PT27	Trường THPT A Nguyễn Huệ	72	71	1	1				1										
28	PT28	Trường THPT Kim Sơn C	60	57	3	2		1					1							
29	PT29	Trường THPT Bình Minh	68	64	4	3			1	1						1				
30	PT30	Trường THPT Yên Khánh B	76	74	2	1		1												
31	PT31	Trường THPT A Duy Tiên	65	63	2	2					1	1								
32	PT32	Trường THPT B Duy Tiên	65	63	2	2			1			1								
33	PT33	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	43	40	3	2	1			1										
34	PT34	Trường THPT A Kim Bảng	58	57	1	1					1									
35	PT35	Trường THPT B Kim Bảng	67	66	1	1						1								
36	PT36	Trường THPT C Kim Bảng	59	58	1	1					1									
37	PT37	Trường THPT Lý Thường Kiệt	53	51	2	2	1						1							
38	PT38	Trường THPT A Bình Lục	64	63	1	1					1									
39	PT39	Trường THPT B Bình Lục	64	61	3	1	1													
40	PT40	Trường THPT A Nguyễn Khuyến	45	40	5	5	1	1	1			1			1					
41	PT41	Trường THPT Lý Nhân	86	85	1	1	1													
42	PT42	Trường THPT Nam Lý	57	55	2	2				1	1									
43	PT43	Trường THPT Nam Cao	44	40	4	3		1									1	1		
44	PT44	Trường THPT C Phủ Lý	44	42	2	1					1									
		Tổng cộng:	2829	2740	89	76	14	11	11	10	6	8	6	1	1	2	3	1	1	1

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 5
CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG, ĐƠN VỊ DỰ TUYỂN VÀ VỊ TRÍ DỰ TUYỂN
VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HẠNG III (MÃ SỐ V.07.05.18)
(Kèm theo Kế hoạch số 108/KH-SGDĐT ngày 02/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

STT	Mã đơn vị dự tuyển	Đơn vị sự công lập thuộc Sở	Tổng số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao	Tổng số biên chế viên chức có mặt tính	Biên chế chưa sử dụng	Chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên										
						Tổng	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Lịch sử	Giáo dục thể chất	Địa lí	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Vật lí	Hoá học	Sinh học
						Mã vị trí dự tuyển	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9	D10
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(8)+(9)+ +(17)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	TX01	Trung tâm GDNN- GDTX Nam Định	75	63	12	5		1		1		1		1		1
2	TX02	Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	68	65	3	2		2								
3	TX03	Trung tâm GDTX - Hướng nghiệp Phủ Lý	20	17	3	3		1		1		1				
4	TX04	Trung tâm GDNN-GDTX Gia Viễn	17	16	1	1							1			
5	TX05	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Sơn	22	20	2	2		1					1			
6	TX06	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Khánh	21	20	1	1					1					
7	TX07	Trung tâm GDNN - GDTX Mỹ Lộc	26	25	1	1		1								
8	TX08	Trung tâm GDNN-GDTX Ý Yên	22	14	8	5				1		1	1	1	1	
9	TX09	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Trực	40	31	9	5	1	2	1	1						
10	TX10	Trung tâm GDNN-GDTX Vụ Bản	27	21	6	6	1	1				1	1	1		1
11	TX11	Trung tâm GDNN-GDTX Trực Ninh	25	22	3	2	1					1				
12	TX12	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Hậu	42	41	1	1	1									
13	TX13	Trung tâm GDNN-GDTX Nghĩa Hưng	42	38	4	3	1	1		1						
14	TX14	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Lục	18	17	1	1										1
15	TX15	Trung tâm GDNN-GDTX Duy Tiên	28	27	1	1										1
16	TX16	Trung tâm GDNN-GDTX Lý Nhân	29	28	1	1		1								

STT	Mã đơn vị dự tuyển	Đơn vị sự công lập thuộc Sở	Tổng số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao	Tổng số biên chế viên chức có mặt tính	Biên chế chưa sử dụng	Chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên										
						Tổng	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Lịch sử	Giáo dục thể chất	Địa lí	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Vật lí	Hoá học	Sinh học
						Mã vị trí dự tuyển	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9	D10
(1)	(2)	(3)	(4)	(3)	(6)	(7) =(8)+(9)+ +(17)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
17	TX17	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Bảng	30	24	6	5	1	1		1				1	1	
18	TX18	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Liêm	22	18	4	4	1	1				1				1
Tổng cộng:			574	507	67	49	7	13	1	6	1	6	4	4	2	5